

DAI-ICHI LIFE

Gắn bó dài lâu.



Kể từ Ngày Yêu Thương

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2023

QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ



MỤC LỤC

1/ THÔNG ĐIỆP TỪ BAN GIÁM ĐỐC DAI-ICHI LIFE
VIỆT NAM

2/ TỔNG QUAN TÌNH HÌNH KINH TẾ NĂM 2023

3/ TRIỂN VỌNG KINH TẾ VÀ THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH
NĂM 2024

4/ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ VÀ LỢI NHUẬN
CÁC QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ NĂM 2023

5/ BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ
NĂM 2023

THÔNG ĐIỆP TỪ BAN GIÁM ĐỐC DAI-ICHI LIFE VIỆT NAM



Quý Khách hàng thân mến,

Sau 17 năm hình thành và phát triển (18/01/2007 – 18/01/2024), Dai-ichi Life Việt Nam tiếp tục giữ vững vị thế hàng đầu tại thị trường Việt Nam với tổng doanh thu phí bảo hiểm tăng gấp **53** lần, số lượng khách hàng tăng **15** lần, tổng vốn đầu tư tăng **53** lần và tổng giá trị tài sản tăng **94** lần. Công ty đã xây dựng nền tảng vững chắc, giữ vị trí **Top 3** trên thị trường với mạng lưới kinh doanh trên **300** văn phòng, “phủ sóng” khắp 63 tỉnh, thành trên toàn quốc, vinh dự phục vụ **gần 5 triệu** khách hàng thông qua đội ngũ trên **2.000** Nhân viên và **110.000** Tư vấn Tài chính chuyên nghiệp.

Riêng năm 2023, Dai-ichi Life Việt Nam đã nỗ lực “vượt gió ngược, vững tay chèo”, khép lại hành trình đầy thử thách với

tổng doanh thu phí hơn **19.550** tỷ đồng, nâng thị phần của Công ty lên **12,5%**. Công ty là một trong số ít doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ đạt được mức lợi nhuận sau thuế hơn **2.400** tỷ đồng. Cùng với mức vốn chủ sở hữu gần **9.800** tỷ đồng và tổng tài sản hơn **66.000** tỷ đồng, Dai-ichi Life Việt Nam nằm trong **Top 3** Công ty bảo hiểm nhân thọ nước ngoài lớn nhất có hiệu quả kinh doanh hàng đầu tại Việt Nam. Kế thừa kinh nghiệm của Tập đoàn Dai-ichi Life và với đội ngũ quản lý đầu tư chuyên nghiệp, trong năm 2023 đầy biến động, Quỹ Đầu tư của Công ty đã đạt được kết quả đáng khích lệ: Quỹ Tăng trưởng tăng **12%**, đặc biệt Quỹ Tài chính Năng động đã có mức tăng trưởng ấn tượng lên đến **27%**.

Luôn cam kết mang đến cho khách hàng những quyền lợi ưu việt và giá trị thiết thực, trong năm 2023, Dai-ichi Life Việt Nam đã chi trả quyền lợi bảo hiểm gần **4.600** tỷ đồng cho hơn **350.000** trường hợp, nâng tổng số tiền chi trả quyền lợi bảo hiểm trên **19.500** tỷ đồng cho hơn **1,7 triệu** trường hợp trong 16 năm qua. Bên cạnh đó, Chương trình Tích lũy điểm thưởng “Gắn bó dài lâu” đã tích lũy thêm cho khách hàng **105** tỷ đồng, nâng tổng số điểm thưởng tích lũy cho khách hàng từ năm 2013 đến nay lên hơn **690** tỷ đồng.

Song hành với nỗ lực kinh doanh hiệu quả và bền vững, trong 17 năm qua, Dai-ichi Life Việt Nam luôn tiên phong khởi xướng nhiều dự án và sáng kiến hỗ trợ cộng đồng ý nghĩa với tổng số tiền đóng góp lên đến trên **67** tỷ đồng, xuyên suốt bốn lĩnh vực: giáo dục, sức khỏe y tế, môi trường và từ thiện xã hội.

Kính thưa Quý Khách,

Dai-ichi Life Việt Nam có được vị thế và thành công như ngày hôm nay chính là nhờ sự ủng hộ và tin yêu của Quý khách hàng và gia đình. Chúng tôi xin gửi lời tri ân sâu sắc đến Quý khách đã

đồng hành, trao gửi trọng trách bảo vệ an toàn tài chính và gắn bó dài lâu cùng Dai-ichi Life Việt Nam trong suốt thời gian qua. Bước sang tuổi 17 đầy sức trẻ, với sứ mệnh “**Vi tương lai an tâm hạnh phúc của người dân Việt**”, Dai-ichi Life Việt Nam sẽ tiếp tục nỗ lực mang đến các giá trị vượt trội cho khách hàng, đối tác và cộng đồng, hướng đến mục tiêu trở thành Công ty bảo hiểm nhân thọ tốt nhất Việt Nam.

Thay mặt Ban Lãnh đạo và toàn thể đội ngũ nhân viên và kinh doanh của Dai-ichi Life Việt Nam, kính chúc Quý Khách cùng gia đình Sức khỏe, Hạnh phúc, và Thành công.

Trân trọng,



Đặng Hồng Hải
Tổng Giám đốc

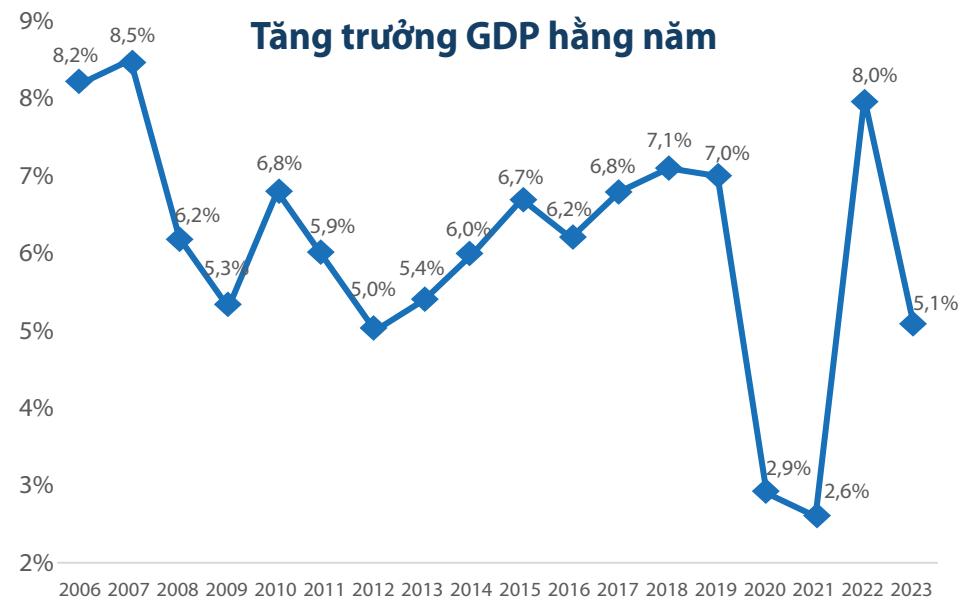
TỔNG QUAN TÌNH HÌNH KINH TẾ NĂM 2023

● Tăng trưởng GDP và kinh tế vĩ mô năm 2023

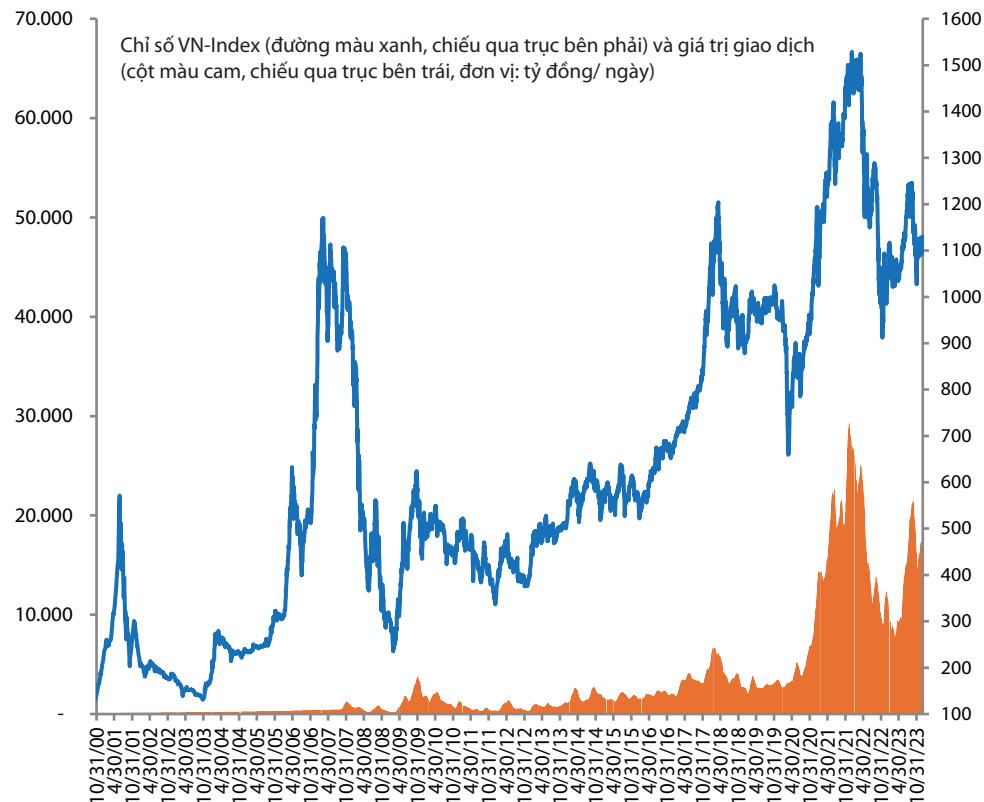
GDP năm 2023 ước tính tăng 5,05% so với năm trước, chỉ cao hơn tốc độ tăng trưởng của các năm 2012, 2020 và 2021 trong giai đoạn 2011-2023. Trong mức tăng thêm toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,83%, đóng góp 8,84%; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 3,74%, đóng góp 28,87%; khu vực dịch vụ tăng 6,82%, đóng góp 62,29%.

CPI bình quân năm 2023 tăng 3,25% so với năm 2022, đạt mục tiêu Quốc hội đề ra. Trong khi đó lạm phát cơ bản tăng 4,16% so với năm 2022, cao hơn mức tăng CPI bình quân chung. Nguyên nhân chủ yếu do bình quân giá xăng dầu trong nước năm 2023 giảm 11,02% so với năm trước, giá gas giảm 6,94% là yếu tố kiềm chế tốc độ tăng của CPI nhưng thuộc nhóm hàng được loại trừ trong danh mục tính lạm phát cơ bản.

Tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa tính chung cả năm 2023, ước đạt 683 tỷ USD, giảm 6,6% so với năm trước, trong đó xuất khẩu giảm 4,4%; nhập khẩu giảm 8,9%. Cán cân thương mại hàng hóa năm 2023 ước tính xuất siêu 28 tỷ USD.



● Thị trường Chứng khoán (TTCK) Việt Nam



Tính chung cả năm VN-Index tăng 12,2% so với cuối năm 2022, thuộc nhóm thị trường tăng trưởng mạnh so với các thị trường khác trong khu vực Đông Nam Á, so với SET (Thái Lan) giảm 15,2%, JCI (Indonesia) tăng 6,6% và PASHR (Philippines) giảm nhẹ 0,6%, KLCI (Malaysia) giảm 2,5%.

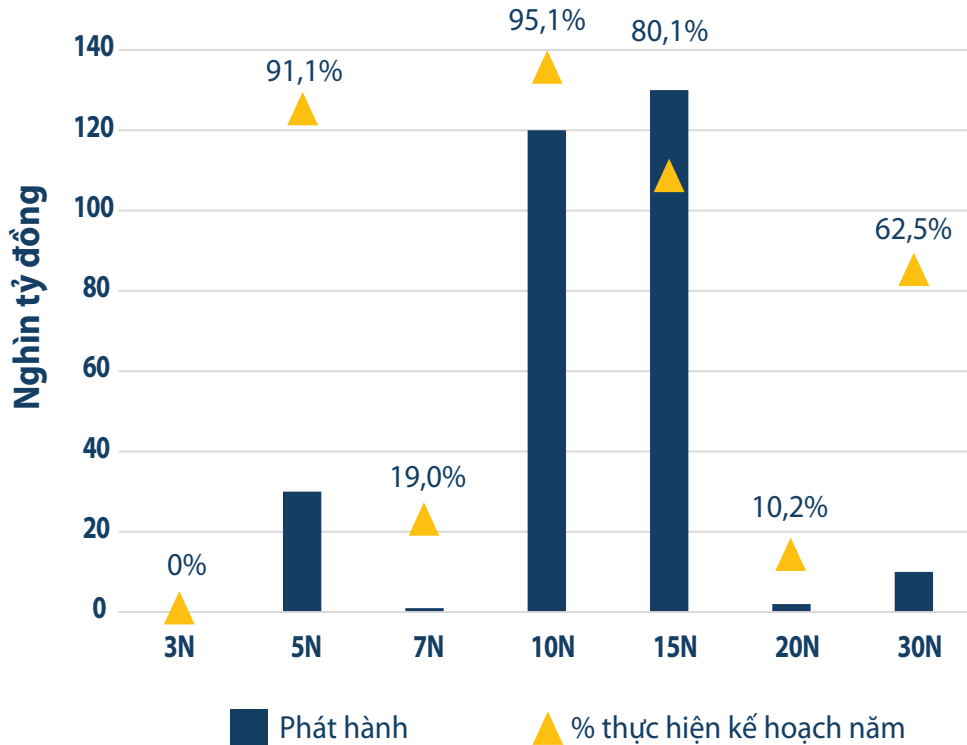
Vốn hóa thị trường đến cuối năm là hơn 191 tỷ USD, gần 45% so với quy mô GDP hiện hành năm 2023. Thanh khoản của thị trường trong năm cũng suy giảm khá mạnh, giá trị giao dịch bình quân giảm xuống còn 15.200 tỷ đồng/phiên từ mức 17.000 tỷ đồng/phiên của năm 2022, giảm hơn 10%.

● Thị trường Trái phiếu chính phủ (TPCP)

Tổng khối lượng TPCP phát hành thông qua đấu thầu năm 2023 là 298.476 tỷ đồng, tương đương hơn 97,86% kế hoạch điều chỉnh cả năm (305.000 tỷ đồng) và đạt 74,6% kế hoạch ban đầu. Giá trị phát hành từ đầu tháng 10 đạt 37,38% kế hoạch quý 4/2023 (130.000 tỷ đồng).

Kỳ hạn phát hành bình quân năm 2023 là 12,58 năm, lãi suất phát hành bình quân là 3,21%/năm, kỳ hạn còn lại bình quân danh mục TPCP là 9,05 năm. Lãi suất TPCP Việt Nam tiếp tục giảm tại tất cả các kỳ hạn.

Giá trị phát hành TPCP theo kỳ hạn



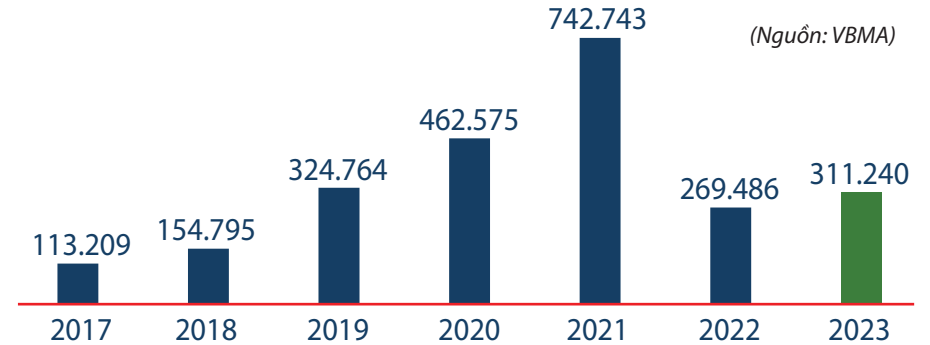
(Nguồn: VBMA)

● Thị trường Trái phiếu doanh nghiệp (TPDN)

Tính cả năm 2023, tổng giá trị phát hành TPDN được ghi nhận là 311.240 tỷ đồng, gồm 29 đợt phát hành ra công chúng trị giá 37.071 tỷ đồng (chiếm 11,9% tổng giá trị phát hành) và 286 đợt phát hành riêng lẻ trị giá 275.028 tỷ đồng (chiếm 88,1% tổng số). Ngân hàng là nhóm ngành phát hành nhiều nhất với 176.006 tỷ đồng (tương đương 56,5% tổng giá trị phát hành), theo sau là nhóm Bất động sản với 73.202 tỷ đồng (chiếm 23,5%).

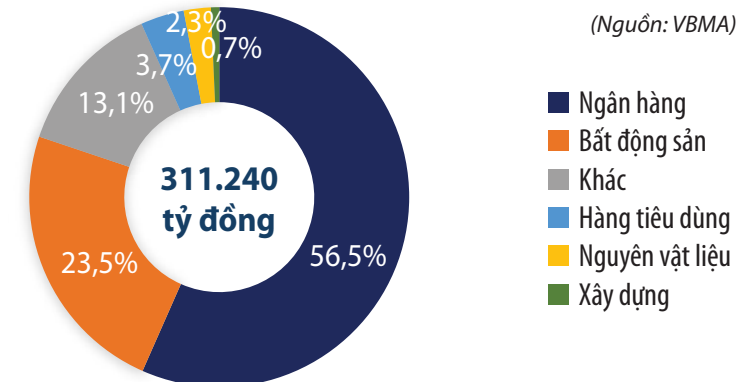
Năm 2024, ước tính sẽ có khoảng 277.065 tỷ đồng trái phiếu đáo hạn. Hiện số trái phiếu chậm trả lãi đã giảm so với đầu năm, chỉ có 6 mã trái phiếu mới công bố chậm trả lãi/gốc với tổng giá trị 545,7 tỷ đồng trong tháng 12. Trong tháng 12 cũng có 8 mã trái phiếu được gia hạn với thời gian đáo hạn được kéo dài chủ yếu từ 1 đến 2 năm. Nhìn chung áp lực đáo hạn của TPDN trong năm 2024 vẫn là các thách thức lớn cho doanh nghiệp và thị trường.

Giá trị phát hành trái phiếu doanh nghiệp (tỷ đồng)



(Nguồn: VBMA)

Giá trị phát hành theo nhóm ngành 2023 (Lũy kế)



(Nguồn: VBMA)

TRIỂN VỌNG KINH TẾ VÀ THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH NĂM 2024

● Triển vọng kinh tế 2024

Trên cơ sở nền thấp của năm 2023, Chính phủ đặt mục tiêu tăng trưởng kinh tế (GDP) năm 2024 ở mức 6% - 6,5% là khá khả thi trong bối cảnh kinh tế vĩ mô trong nước đang có nhiều dấu hiệu phục hồi và tăng trưởng trở lại.

Áp lực lạm phát có thể không còn lớn trong năm 2024, tạo tiền đề cho việc duy trì chính sách tiền tệ nới lỏng và chính sách tài khóa mở rộng thông qua thúc đẩy đầu tư công. Thanh khoản của thị trường sẽ dồi dào trong môi trường lãi suất thấp, hỗ trợ cho các doanh nghiệp phục hồi và tăng trưởng.

Chính sách thúc đẩy đầu tư công đặc biệt là đầu tư vào các dự án hạ tầng giao thông, năng lượng kỳ vọng sẽ đóng vai trò dẫn dắt cho đầu tư tư nhân, tạo niềm tin cho thị trường, và doanh nghiệp mạnh dạn hơn trong việc mở rộng kinh doanh trong năm 2024.

Sự tăng trưởng của hoạt động xuất khẩu khi nhu cầu của thế giới dự báo phục hồi, đồng thời Việt Nam có nhiều cơ hội mở rộng thị trường khi tận dụng được sự thay đổi trong xu hướng thương mại quốc tế với chính sách ngoại giao phù hợp và các hiệp định thương mại đa phương đã ký trong thời gian qua.

Tuy nhiên vẫn còn nhiều biến số khó đoán tác động đến kinh tế vĩ mô Việt Nam trong năm 2024 như xung đột địa chính trị trên nhiều khu vực trên thế giới chưa có dấu hiệu kết thúc, chính sách điều hành của FED còn nhiều khó lường qua đó Việt Nam sẽ phải đối mặt với những rủi ro cho dự trữ ngoại hối, tỷ giá và lãi suất trong nước.

● Triển vọng thị trường chứng khoán Việt Nam năm 2024

Các yếu tố chính ảnh hưởng đến định giá cổ phiếu bao gồm triển vọng lợi nhuận doanh nghiệp, lãi suất chiết khấu cũng như các rủi ro thị trường đang dần trở nên tích cực. Những khó khăn nhất của thị trường đã diễn ra và phản ánh vào giá cổ phiếu; cho nên năm 2024 mặc dù vẫn còn những vấn đề cần giải quyết nhưng những rủi ro và khó khăn mang tính chất hệ thống hoặc đột biến sẽ có xác suất xảy ra thấp.

Bên cạnh đó kỳ vọng nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam sớm trong thời gian tới có thể là động lực mạnh mẽ cho thị trường chứng khoán tăng trưởng từ nửa cuối năm 2024. Đồng thời có thể thu hút thêm dòng vốn ngoại quay trở lại thị trường sau thời gian bán ròng liên tục trong năm 2022-2023.

Với các chính sách hỗ trợ và phục hồi kinh tế thông qua đầu tư công và nới lỏng tiền tệ các ngành có tính chu kỳ cũng như các ngành hưởng lợi từ chính sách sẽ có tiềm năng tăng trưởng cao hơn trong năm 2024.

Trong giai đoạn này, sẽ có sự phân hóa giữa các doanh nghiệp trong cùng ngành nghề kinh doanh, khó khăn cho doanh nghiệp này có thể là thuận lợi cho doanh nghiệp khác. Các doanh nghiệp có nền tảng kinh doanh tốt, sử dụng đòn bẩy tài chính thấp sẽ có tốc độ tăng trưởng cao hơn. Vì vậy hiệu quả đầu tư còn phụ thuộc nhiều vào lựa chọn từng cổ phiếu cho phù hợp.



● Triển vọng thị trường TPCP năm 2024

Năm 2024, Chính phủ đã tiếp tục đặt mục tiêu đẩy mạnh giải ngân đầu tư công và đây cũng là động lực quan trọng nhằm thúc đẩy kinh tế phục hồi. Trong bối cảnh nguồn vốn huy động cho đầu tư phát triển từ quốc tế suy giảm, đặc biệt là vốn ODA, nguồn vốn huy động trong nước sẽ tiếp tục đóng vai trò quan trọng và áp lực phát hành trái phiếu chính phủ là rất lớn. Do đó thị trường trái phiếu Chính phủ đang và sẽ tiếp tục đóng vai trò then chốt trên thị trường Trái phiếu, và là kênh huy động vốn quan trọng của Nhà nước cho nhu cầu vốn ngân sách, giải ngân đầu tư công trong năm 2024 và các năm sau.

Với việc kiểm soát tốt lạm phát trong nước, Ngân hàng nhà nước đã có những cơ sở tiếp tục điều hành chính sách tiền tệ theo hướng nới lỏng và nỗ lực duy trì mặt bằng lãi suất hợp lý nhằm hỗ trợ phục hồi kinh tế trong năm 2024. Thanh khoản hệ thống dư thừa, cùng với nhu cầu đầu tư các tài sản có tính thanh khoản cao sẽ là những động lực giúp cho thị trường trái phiếu chính phủ tiếp tục sôi động trong năm 2024.

● Triển vọng thị trường TPDN năm 2024

Đối với thị trường trái phiếu doanh nghiệp sau giai đoạn niềm tin suy giảm kết hợp với thanh khoản dòng tiền trả nợ trái phiếu của nhiều doanh nghiệp gặp khó khăn đã khiến thị trường này gia tăng rủi ro, tuy nhiên đã có tín hiệu cho thấy xu hướng trở lại của hoạt động phát hành mới từ cuối Quý 3 năm 2023. Bên cạnh đó thị trường giao dịch thứ cấp trái phiếu doanh nghiệp được vận hành chính thức tại HNX từ ngày 19/7/2023 đã tạo sự thanh khoản trên thị trường, tăng cường tính công khai, minh bạch của thị trường và củng cố niềm tin cho nhà đầu tư, hỗ trợ thị trường này phát triển minh bạch và bền vững hơn trong tương lai.

Tuy nhiên, áp lực đáo hạn các trái phiếu trong năm 2024 vẫn là rất lớn, bên cạnh các trái phiếu đang được gia hạn sẽ là những rủi ro sắp tới cho thị trường, đặc biệt là các trái phiếu liên quan đến lĩnh vực bất động sản.

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ VÀ LỢI NHUẬN CÁC QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ NĂM 2023

Năm 2023, kinh tế Việt Nam bị ảnh hưởng bởi tình hình kinh tế thế giới, các động lực của nền kinh tế chưa phát huy được hiệu quả như những năm trước, đặc biệt trong giai đoạn nửa đầu năm. Tuy vậy, xu hướng tích cực hơn trong những tháng cuối năm đã giúp tăng trưởng kinh tế Việt Nam năm 2023 đạt 5,05% và là một trong những nền kinh tế tăng trưởng cao trong khu vực và thế giới. Trong đó, khu vực nông nghiệp tiếp tục là bệ đỡ cho nền kinh tế với tăng trưởng đạt 3,83%, khu vực thương mại tăng trưởng 6,82% với một số ngành dịch vụ tăng trưởng ổn định trong khi khu vực công nghiệp, xây dựng gặp nhiều khó khăn với mức tăng trưởng chỉ đạt 3,74%.

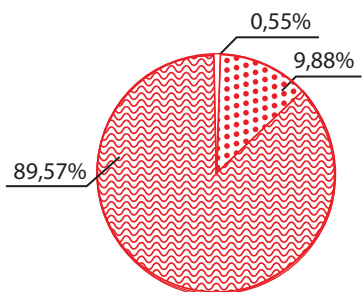
Chỉ số chứng khoán VN-Index tăng 12,20% trong năm 2023, từ 1.007,09 lên 1.129,93. Giá trị tài sản của hầu hết các quỹ liên kết đơn vị đều có xu hướng tăng theo tình hình chung của thị trường.



A/ SẢN PHẨM BẢO HIỂM LIÊN KẾT ĐƠN VỊ - PHÍ ĐƠN KỲ

Từ khi thành lập các Quỹ liên kết đơn vị - Phí Đơn Kỳ (10/2016) đến cuối năm 2023, hoạt động đầu tư của các quỹ nhìn chung phản ánh đúng xu hướng tăng trưởng dài hạn của thị trường. Cụ thể, tính từ khi thành lập đến ngày 31/12/2023, Quỹ Thịnh Vượng đạt tỷ suất sinh lời 82,17% (tương đương 8,71%/năm). Tuy nhiên, theo xu hướng tăng của thị trường trong năm 2023, Quỹ Thịnh Vượng tăng với tỷ suất 11,77%. Bên cạnh đó, Quỹ Đảm Bảo vẫn giữ mức tăng trưởng ổn định 41,97% (tương đương 5,00%/năm).

QUỸ ĐẢM BẢO

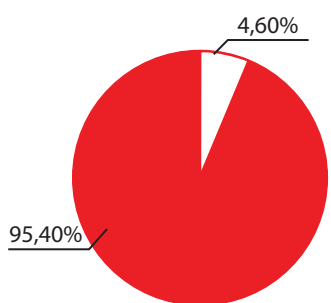


- Tiền mặt
- ⊗ Trái phiếu
- ⊘ Tiền gửi có kỳ hạn

Quỹ này có lợi suất tăng trưởng cố định với tỷ lệ lợi nhuận là 5%/năm. Quỹ đầu tư chủ yếu vào tài sản bằng tiền Đồng Việt Nam có thu nhập ổn định.

Quỹ này chỉ đầu tư vào những khoản thu nhập ổn định và được đảm bảo lợi suất cố định nên tính biến động và rủi ro rất thấp. Trong năm 2023, giá trị tài sản ròng của 1 đơn vị quỹ tăng 5,00% từ 13.841,46 đồng lên 14.533,53 đồng.

QUỸ THỊNH VƯỢNG



- Tiền mặt
- Cổ phiếu

Quỹ này có mục tiêu tăng trưởng cao từ trung đến dài hạn, Quỹ đầu tư chủ yếu vào tài sản bằng tiền Đồng Việt Nam có tiềm năng tăng trưởng vốn cao, đồng thời Quỹ cũng phân bổ một phần đầu tư vào các tài sản mang lại thu nhập ổn định.

Quỹ này đạt được lợi suất cao từ sự đầu tư hiệu quả vào các cổ phiếu tốt, tuy nhiên tính biến động và rủi ro của Quỹ này cũng cao tương ứng. Do tác động tăng từ thị trường trong năm 2023, giá trị tài sản ròng của 1 đơn vị quỹ tăng 11,77% (từ 16.299,02 đồng lên 18.217,10 đồng).

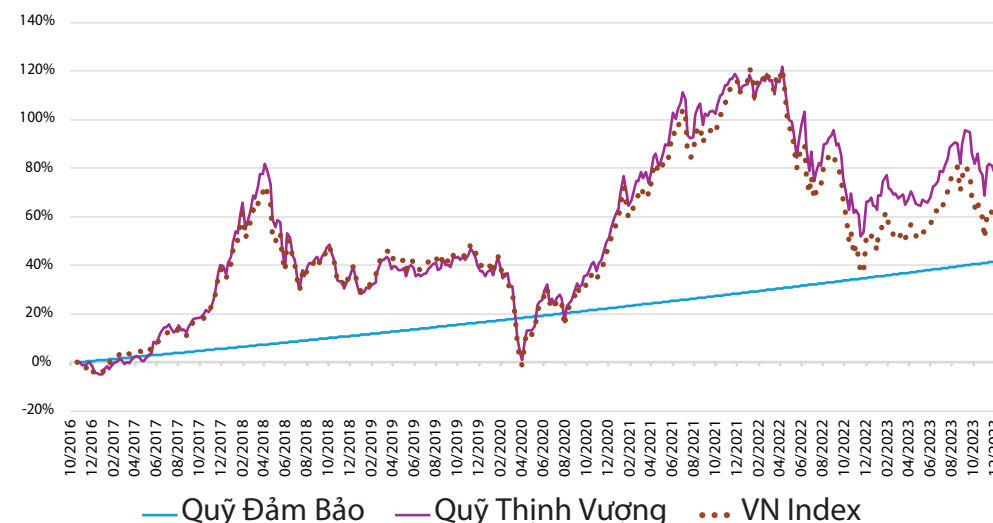
Bảng thể hiện tỷ suất sinh lời của các Quỹ qua từng năm

Năm	Quỹ Đảm Bảo	Quỹ Thịnh Vượng	VN Index
2016*	0,89%	-4,70%	-1,30%
2017	5,00%	52,64%	48,03%
2018	5,00%	-11,78%	-9,32%
2019	5,00%	7,53%	7,67%
2020	5,00%	19,60%	14,87%
2021	5,00%	31,02%	35,73%
2022	5,00%	-24,62%	-32,78%
2023	5,00%	11,77%	12,20%
Tỷ suất sinh lời quy năm	5,00%	8,71%	7,47%
Từ 26/10/2016 đến 31/12/2023	41,97%	82,17%	67,74%

* Từ 26/10/2016 đến 31/12/2016

Lưu ý: Tỷ suất sinh lời đã được khấu trừ các chi phí quản lý quỹ và chi phí đầu tư trực tiếp

Tăng trưởng giá trị tài sản ròng trên một đơn vị của các quỹ - Phí đơn kỳ



B/ SẢN PHẨM BẢO HIỂM LIÊN KẾT ĐƠN VỊ - PHÍ ĐỊNH KỲ

Từ khi thành lập các Quỹ liên kết đơn vị (6/2015) đến cuối năm 2023, hoạt động đầu tư của các quỹ nhìn chung phản ánh đúng xu hướng tăng trưởng dài hạn của thị trường. Từ ngày thành lập đến ngày 31/12/2023, Quỹ Tăng Trưởng đạt tỷ suất sinh lời 123,96% (tương đương 9,85%/năm), Quỹ Phát Triển đạt tỷ suất lợi nhuận 102,73%

(tương đương 8,58%/năm), và Quỹ Bảo Toàn đạt tỷ suất lợi nhuận ổn định 62,74% (tương đương 5,84%/năm). Do xu hướng tăng của thị trường trong năm 2023, Quỹ Tăng Trưởng tăng với tỷ suất 11,77% và Quỹ Phát Triển tăng 10,20%. Quỹ Bảo Toàn vẫn giữ được tăng trưởng ổn định ở mức 6,91% trong năm 2023.

Ngoài ra để đáp ứng nhu cầu đầu tư đa dạng của khách hàng, hai Quỹ liên kết đơn vị mới là Quỹ Dẫn Đầu và Quỹ Tài Chính Năng Động đã được thành lập vào tháng 04/2022. Với xu hướng tăng của thị trường năm 2023, cả hai quỹ đều đạt tỷ suất lợi nhuận dương lần lượt là Quỹ Dẫn Đầu tăng với tỷ suất 11,94% và Quỹ Tài Chính Năng Động tăng với tỷ suất 27,22%.

Năm	Quỹ Tăng Trưởng	Quỹ Phát Triển	Quỹ Bảo Toàn	Quỹ Dẫn Đầu	Quỹ Tài Chính Năng Động	VN Index
2015 (*)	4,59%	2,61%	3,24%			1,96%
2016	12,01%	9,93%	6,06%			14,82%
2017	52,64%	26,56%	6,08%			48,03%
2018	-11,78%	-1,05%	5,90%			-9,32%
2019	7,53%	11,95%	6,29%			7,67%
2020	19,60%	15,19%	6,16%			14,87%
2021	31,02%	13,88%	4,70%			35,73%
2022	-24,62%	-11,32%	4,74%	-27,17% (**)	-26,13% (**)	-32,78%
2023	11,77%	10,20%	6,91%	11,94%	27,22%	12,20%
Tỷ suất sinh lời quy năm	9,85%	8,58%	5,84%	-11,45%	-3,63%	8,34%
Từ ngày thành lập đến 31/12/2023	123,96%	102,73%	62,74%	-18,47%	-6,02%	98,97%

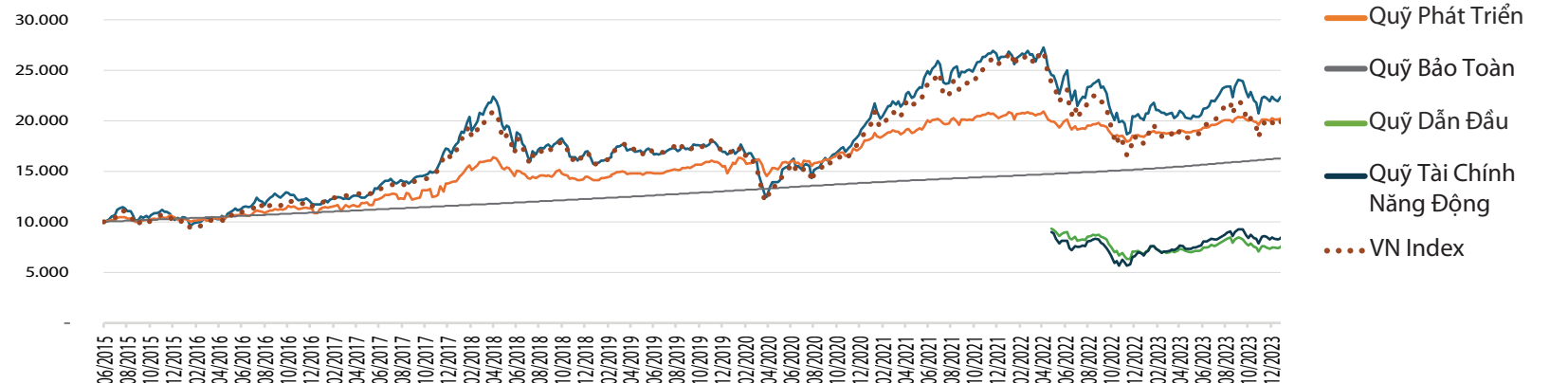
Thành lập từ tháng 4/2022

(*) Từ 03/06/2015 đến 31/12/2015

(**) Từ 27/04/2022 đến 31/12/2022

Lưu ý: Tỷ suất sinh lời đã được khấu trừ các chi phí quản lý quỹ và chi phí đầu tư trực tiếp

Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị của các quỹ - Phí định kỳ

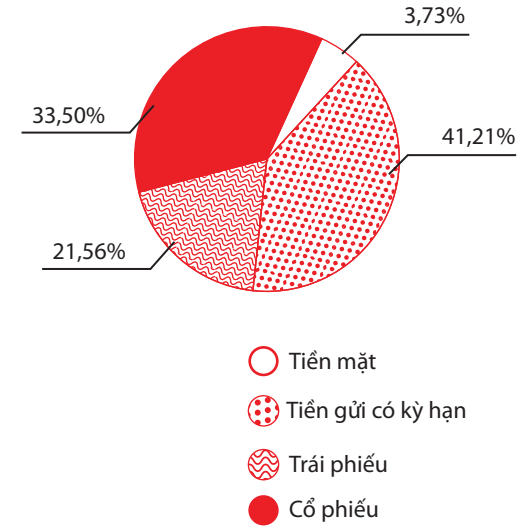
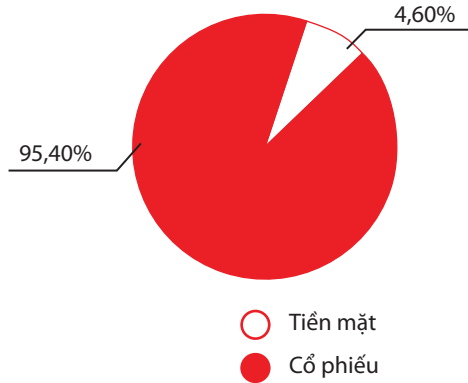


TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CÁC QUỸ

QUỸ TĂNG TRƯỞNG

Quỹ này có mục tiêu tăng trưởng cao từ trung đến dài hạn. Quỹ đầu tư chủ yếu vào tài sản có tiềm năng tăng trưởng vốn cao, đồng thời Quỹ cũng phân bổ một phần đầu tư vào các tài sản mang lại thu nhập ổn định.

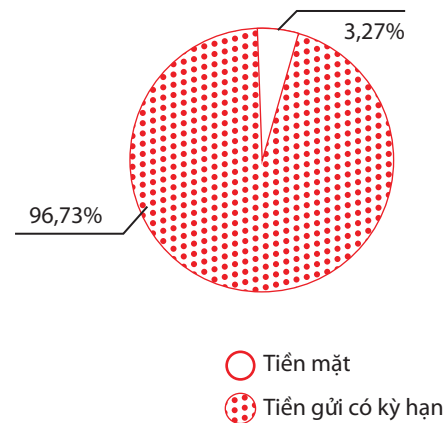
Quỹ này đạt được lợi suất cao từ sự đầu tư hiệu quả vào các cổ phiếu tốt, tuy nhiên tính biến động và rủi ro của Quỹ này cũng cao tương ứng. Do xu hướng tăng từ thị trường trong năm 2023, giá trị tài sản ròng của 1 đơn vị quỹ tăng 11,77% từ 20.037,60 đồng lên 22.396,26 đồng.



QUỸ BẢO TOÀN

Quỹ này có mục tiêu giữ bảo toàn vốn và tạo thu nhập ổn định. Quỹ chủ yếu đầu tư vào các tài sản bằng tiền Đồng Việt Nam có thu nhập ổn định.

Quỹ này tập trung đầu tư vào những khoản thu nhập ổn định nên tính biến động và rủi ro thấp so với các quỹ còn lại. Trong năm 2023, Quỹ Bảo Toàn vẫn giữ nguyên mức tăng trưởng ổn định. Giá trị tài sản ròng của 1 đơn vị quỹ tăng 6,91% từ 15.222,76 đồng lên 16.274,31 đồng.

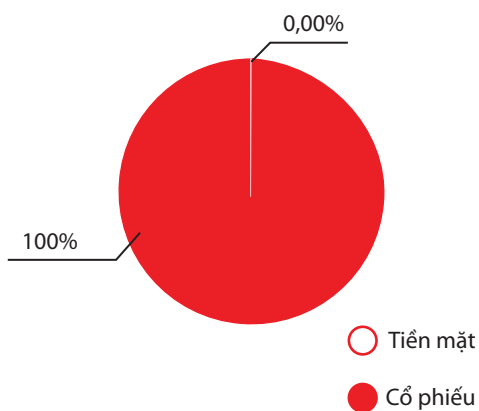


QUỸ PHÁT TRIỂN

Quỹ này có mục tiêu cân bằng giữa thu nhập ổn định và sự tăng trưởng vốn cao từ trung đến dài hạn nên Quỹ có danh mục đầu tư đa dạng. Quỹ được phân bổ với tỷ trọng đầu tư chủ yếu vào các tài sản bằng tiền Đồng Việt Nam mang lại thu nhập cố định đồng thời đầu tư vào các tài sản có tiềm năng tăng trưởng vốn cao với tỷ trọng thích hợp tùy vào điều kiện thị trường.

Do tính đa dạng trong danh mục đầu tư nên tính biến động và rủi ro của Quỹ này thấp hơn so với Quỹ Tăng Trưởng. Trong năm 2023, giá trị tài sản ròng của 1 đơn vị Quỹ Phát Triển tăng 10,20%, từ 18.396,12 đồng lên 20.272,87 đồng.

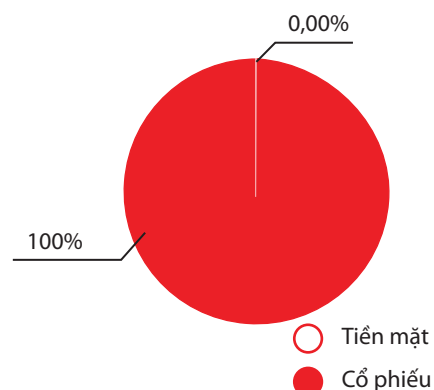
QUỸ DẪN ĐẦU



Quỹ này có mục tiêu tăng trưởng cao từ trung đến dài hạn. Quỹ đầu tư chủ yếu vào tài sản bằng tiền Đồng Việt Nam có tiềm năng tăng trưởng vốn cao.

Quỹ này đạt được lợi suất cao từ sự đầu tư hiệu quả vào các cổ phiếu hàng đầu có vốn hóa lớn nhất và thanh khoản cao nhất đang được niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán Việt Nam, tuy nhiên tính biến động và rủi ro của Quỹ này cũng cao tương ứng. Do tác động tăng từ thị trường năm 2023, giá trị tài sản ròng của 1 đơn vị quỹ tăng 11,94%, từ 6.768,74 đồng lên 7.577,19 đồng.

QUỸ TÀI CHÍNH NĂNG ĐỘNG



Quỹ này có mục tiêu tăng trưởng cao từ trung đến dài hạn. Quỹ đầu tư chủ yếu vào tài sản bằng tiền Đồng Việt Nam có tiềm năng tăng trưởng vốn cao.

Quỹ này đạt được lợi suất cao từ sự đầu tư hiệu quả vào các cổ phiếu thuộc lĩnh vực dịch vụ tài chính và ngân hàng, tuy nhiên tính biến động và rủi ro của Quỹ này cũng cao tương ứng. Do tác động tăng từ thị trường năm 2023, giá trị tài sản ròng của 1 đơn vị quỹ tăng 27,22%, từ 6.658,29 đồng lên 8.470,39 đồng.

DANH SÁCH 5 CỔ PHIẾU TIÊU BIỂU TRONG DANH MỤC ĐẦU TƯ

Quỹ	Cổ Phiếu	Công Ty	Nhóm Ngành	Tỷ Trọng (% NAV)
Quỹ Tăng Trưởng & Quỹ Thịnh Vượng	FPT	Công ty Cổ phần Viễn Thông FPT	Công Nghệ Thông Tin	11,74%
	HPG	Công ty Cổ phần Tập Đoàn Hòa Phát	Nguyên vật liệu - Thép xây dựng	8,12%
	ACB	Ngân hàng TMCP Á Châu	Tài Chính - Ngân Hàng	7,12%
	VCB	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	Tài Chính - Ngân Hàng	6,48%
	MBB	Ngân hàng TMCP Quân đội	Tài Chính - Ngân Hàng	3,94%
Quỹ Dẫn Đầu	VPB	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	Tài Chính - Ngân Hàng	9,03%
	FPT	Công ty Cổ phần Viễn Thông FPT	Công Nghệ Thông Tin	8,79%
	HPG	Công ty Cổ phần Tập Đoàn Hòa Phát	Nguyên vật liệu - Thép xây dựng	7,57%
	ACB	Ngân hàng TMCP Á Châu	Tài Chính - Ngân Hàng	7,08%
	TCB	Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam	Tài Chính - Ngân Hàng	6,16%
Quỹ Tài Chính Năng Động	VPB	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	Tài Chính - Ngân Hàng	15,46%
	STB	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	Tài Chính - Ngân Hàng	13,36%
	SSI	Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI	Tài Chính - Môi giới chứng khoán	10,49%
	TCB	Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam	Tài Chính - Ngân Hàng	10,02%
	ACB	Ngân hàng TMCP Á Châu	Tài Chính - Ngân Hàng	7,85%

(Số liệu cập nhật ngày 31/12/2023)

MỤC TIÊU, CHÍNH SÁCH VÀ LĨNH VỰC ĐẦU TƯ CỦA CÁC QUỸ

	Mục tiêu	Chính sách và rủi ro đầu tư	Lĩnh vực đầu tư
Quỹ Tăng Trưởng	Tăng trưởng cao từ trung đến dài hạn.	Đầu tư chủ yếu vào các danh mục đầu tư bằng Đồng Việt Nam có tiềm năng tăng trưởng vốn cao, đồng thời đầu tư vào các tài sản đầu tư có thu nhập ổn định. Rủi ro đầu tư: Cao	Chứng khoán chưa niêm yết và các chứng khoán đang được niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán Việt Nam (80% - 100%), trái phiếu chính phủ, tiền gửi các tổ chức tín dụng và các sản phẩm đầu tư có thu nhập cố định khác mà pháp luật cho phép (0% - 20%).
Quỹ Phát Triển	Cân bằng giữa thu nhập ổn định và sự tăng trưởng vốn trung và dài hạn.	Đầu tư chủ yếu vào các danh mục đầu tư bằng Đồng Việt Nam có thu nhập ổn định, đồng thời đầu tư vào các tài sản đầu tư có tiềm năng tăng trưởng vốn. Rủi ro đầu tư: Trung bình	Chứng khoán chưa niêm yết và các chứng khoán đang được niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán Việt Nam (15% - 55%), trái phiếu chính phủ, tiền gửi các tổ chức tín dụng và các sản phẩm đầu tư có thu nhập cố định khác mà pháp luật cho phép (45% - 85%).
Quỹ Bảo Toàn	Tạo thu nhập ổn định.	Đầu tư chủ yếu vào các danh mục đầu tư bằng Đồng Việt Nam có thu nhập ổn định. Rủi ro đầu tư: Thấp	Trái phiếu chính phủ, tiền gửi các tổ chức tín dụng và các sản phẩm đầu tư có thu nhập cố định khác mà pháp luật cho phép (100%).
Quỹ Đảm Bảo	Tạo thu nhập ổn định.	Đầu tư chủ yếu vào các danh mục đầu tư có thu nhập ổn định. Rủi ro đầu tư: Thấp	Trái phiếu chính phủ, tiền gửi tại các tổ chức tín dụng và các sản phẩm đầu tư có thu nhập ổn định khác mà pháp luật cho phép.
Quỹ Thịnh Vượng	Tăng trưởng cao từ trung đến dài hạn.	Đầu tư chủ yếu vào các danh mục đầu tư có tiềm năng tăng trưởng vốn cao. Rủi ro đầu tư: Cao	Cổ phiếu chưa niêm yết, các cổ phiếu đang được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công cụ tài chính khác mà pháp luật cho phép.
Quỹ Dẫn Đầu	Tăng trưởng cao từ trung đến dài hạn.	Đầu tư chủ yếu vào các danh mục đầu tư bằng Đồng Việt Nam có tiềm năng tăng trưởng vốn cao, đồng thời đầu tư vào các tài sản đầu tư có thu nhập ổn định. Rủi ro đầu tư: Cao	Đầu tư chủ yếu (80% - 100%) vào 30 cổ phiếu hàng đầu có vốn hóa lớn nhất và thanh khoản cao nhất đang được niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán Việt Nam; và (0% - 20%) vào Trái phiếu chính phủ, và tiền gửi các tổ chức tín dụng.
Quỹ Tài Chính Năng Động	Tăng trưởng cao từ trung đến dài hạn.	Đầu tư chủ yếu vào các danh mục đầu tư bằng Đồng Việt Nam có tiềm năng tăng trưởng vốn cao, đồng thời đầu tư vào các tài sản đầu tư có thu nhập ổn định. Rủi ro đầu tư: Cao	Đầu tư chủ yếu (80% - 100%) vào Chứng khoán đang được niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán Việt Nam thuộc lĩnh vực dịch vụ tài chính và ngân hàng; và (0% - 20%) vào Trái phiếu chính phủ, và tiền gửi các tổ chức tín dụng.

CHI PHÍ LIÊN QUAN ĐẾN QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ

Phí quản lý quỹ

Quỹ	Tỷ lệ	Số tiền (đồng)
Quỹ Tăng Trưởng	2,00%	34.561.312.252
Quỹ Phát Triển	2,00%	11.211.200.321
Quỹ Bảo Toàn	0,50%	741.304.920
Quỹ Đảm Bảo	(*)	1.392.349.906
Quỹ Thịnh Vượng	2,00%	369.867.851
Quỹ Dẫn Đầu	2,00%	2.542.296.834
Quỹ Tài Chính Năng Động	2,00%	1.787.849.436

Phí đầu tư trực tiếp

Quỹ	Số tiền (đồng)
Quỹ Tăng Trưởng	3.989.097.263
Quỹ Phát Triển	433.441.057
Quỹ Bảo Toàn	13.963.400
Quỹ Đảm Bảo	2.912.800
Quỹ Thịnh Vượng	47.308.304
Quỹ Dẫn Đầu	23.340.137
Quỹ Tài Chính Năng Động	19.015.706

Ghi chú:

(*) Khoản chênh lệch giữa mức tăng trưởng thực tế của Quỹ Đảm Bảo và mức tăng trưởng đảm bảo.

Cổ tức và ảnh hưởng cổ tức đến tài sản ròng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Các quỹ đều là quỹ không chia cổ tức nên các quỹ này sẽ không phân chia cổ tức cho các Chủ hợp đồng.

Chi tiết về các khoản lãi chia đã thực hiện

Công ty không áp dụng hình thức chia lãi đối với sản phẩm này.

Đánh giá triển vọng trong tương lai của các khoản đầu tư và các chính sách đầu tư dự kiến của Quỹ Liên kết đơn vị, liệt kê một số trường hợp điển hình làm thay đổi đánh giá triển vọng này

Công ty nhận định rằng các khoản đầu tư này vẫn tiếp tục có triển vọng tốt về mặt dài hạn trong tương lai và chính sách đầu tư dự kiến của Quỹ Liên kết đơn vị sẽ không có sự thay đổi.

Các chỉ số liên quan trong những lĩnh vực đầu tư mà quỹ liên kết đơn vị đang đầu tư

Công ty hiện đang theo dõi các chỉ số VN Index & VN100 Index (Quỹ Tăng Trưởng, Quỹ Thịnh Vượng), VN30 (Quỹ Dẫn Đầu), và FINLEAD (Quỹ Tài Chính Năng Động). Đối với các quỹ còn lại, hiện tại chưa có chỉ số phù hợp.

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ NĂM 2023

Các số liệu và thông tin trình bày dưới đây được trích ra từ Báo cáo Hoạt động của các Quỹ Liên kết đơn vị cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Dai-ichi Việt Nam. Chúng tôi xin đảm bảo những nội dung trên là đúng sự thực.

Các số liệu này đã được Công ty TNHH KPMG kiểm toán và trình bày ý kiến chấp nhận toàn phần ngày 29 tháng 3 năm 2024.

I. PHÍ BẢO HIỂM VÀ TÌNH HÌNH THAY ĐỔI ĐƠN VỊ QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ TRONG NĂM

Đơn vị: đồng

A. Tổng số phí bảo hiểm nộp trong năm (a)	3.654.864.859.119
Phí cơ bản	2.956.826.633.318
Phí đóng thêm	698.038.225.801
B. Phần đóng góp tương ứng của Quỹ Chủ sở hữu vào các Quỹ Liên kết đơn vị (b)	(20.462.789.432)
C. Phí ban đầu khấu trừ trước khi đầu tư vào các Quỹ Liên kết đơn vị (c)	1.737.813.427.600
Năm thứ nhất	929.844.529.600
Năm thứ hai	657.592.033.300
Năm thứ ba	131.944.405.400
Năm thứ tư	15.334.563.400
Năm thứ năm	885.740.900
Từ năm thứ sáu trở đi	2.212.155.000
D. Tổng số phí bảo hiểm đầu tư vào các Quỹ Liên kết đơn vị [(d) = (a) – (c)]	1.917.051.431.519



Quỹ	Số dư đầu kỳ				Tăng giảm trong kỳ		Số dư cuối kỳ			
	Số tiền	Số đơn vị quỹ	Giá mua	Giá bán	Số tiền	Số đơn vị quỹ	Số tiền	Số đơn vị quỹ	Giá mua	Giá bán
Quỹ Tăng Trưởng	1.395.794.363.730	69.658.773,71	20.037,60	20.037,60	558.604.726.458	17.605.753,38	1.954.399.090.188	87.264.527,09	22.396,26	22.396,26
Quỹ Phát Triển	466.073.906.550	25.335.450,66	18.396,12	18.396,12	182.980.867.602	6.680.484,01	649.054.774.152	32.015.934,67	20.272,87	20.272,87
Quỹ Bảo Toàn	118.754.055.477	7.801.088,19	15.222,76	15.222,76	57.560.057.580	3.032.803,19	176.314.113.057	10.833.891,39	16.274,31	16.274,31
Quỹ Đảm Bảo	9.123.204.848	659.121,57	13.841,46	13.841,46	63.353.176.854	4.327.717,95	72.476.381.702	4.986.839,52	14.533,53	14.533,53
Quỹ Thịnh Vượng	3.688.298.262	226.289,64	16.299,02	16.299,02	30.988.533.971	1.677.241,87	34.676.832.233	1.903.531,50	18.217,10	18.217,10
Quỹ Dẫn Đầu	107.876.203.817	15.937.419,76	6.768,74	6.768,74	34.836.205.382	2.897.045,84	142.712.409.199	18.834.465,60	7.577,19	7.577,19
Quỹ Tài Chính Năng Động	69.726.656.916	10.472.150,26	6.658,29	6.658,29	30.981.755.147	1.417.314,28	100.708.412.063	11.889.464,54	8.470,39	8.470,39
	2.171.036.689.600	130.090.293,79			959.305.322.994	37.638.360,52	3.130.342.012.594	167.728.654,31		

II. TÌNH HÌNH TÀI SẢN CỦA CÁC QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ

Đơn vị: đồng

Tài sản	Quỹ Tăng Trưởng	Quỹ Phát Triển	Quỹ Bảo Toàn	Quỹ Đảm Bảo	Quỹ Thịnh Vượng	Quỹ Dẫn Đầu	Quỹ Tài Chính Năng Động	Tổng cộng
Tiền	90.273.894.393	24.331.819.292	5.771.338.201	390.534.212	1.601.726.437	27.157.523	26.980.573	122.423.450.631
Danh mục đầu tư	1.864.553.632.040	624.865.247.955	170.552.437.537	72.083.787.884	33.082.707.525	142.716.535.100	100.703.507.400	3.008.557.855.441
- Tiền gửi có kỳ hạn	-	267.443.595.892	170.552.437.537	64.920.266.026	-	-	-	502.916.299.455
- Trái phiếu chính phủ	-	44.257.827.123	-	7.163.521.858	-	-	-	51.421.348.981
- Trái phiếu doanh nghiệp	-	95.649.258.905	-	-	-	-	-	95.649.258.905
- Cổ phiếu niêm yết	1.864.553.632.040	217.514.566.035	-	-	33.082.707.525	142.716.535.100	100.703.507.400	2.358.570.948.100
Các tài sản khác	(428.436.245)	(142.293.095)	(9.662.681)	2.059.606	(7.601.729)	(31.283.424)	(22.075.910)	(639.293.478)
Tổng tài sản	1.954.399.090.188	649.054.774.152	176.314.113.057	72.476.381.702	34.676.832.233	142.712.409.199	100.708.412.063	3.130.342.012.594



III. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ CỦA CÁC QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ

Nội dung	Quỹ Tăng Trưởng	Quỹ Phát Triển	Quỹ Bảo Toàn	Quỹ Đảm Bảo	Quỹ Thịnh Vượng	Quỹ Dẫn Đầu	Quỹ Tài Chính Năng Động	Tổng cộng
Thu nhập/Doanh thu								
Phí bảo hiểm đầu tư vào các Quỹ liên kết Đơn vị	1.164.220.716.441	401.702.924.979	141.797.972.131	19.502.380	6.500.794	124.004.571.938	85.299.242.855	1.917.051.431.519
Phần đóng góp tương ứng của Quỹ chủ sở hữu vào các Quỹ liên kết đơn vị	(93.473.126.069)	(15.402.243.540)	(5.681.602.984)	62.530.372.515	30.752.354.784	(201.607.303)	1.013.063.166	(20.462.789.432)
Thu nhập đầu tư từ hoạt động đầu tư	220.492.795.701	64.579.970.941	10.678.802.053	3.338.836.665	1.042.837.948	15.083.095.818	21.291.384.968	336.507.724.094
- Tiền gửi có kỳ hạn	-	19.124.735.069	10.678.802.053	2.015.983.287	-	-	-	31.819.520.409
- Trái phiếu chính phủ	-	8.265.780.000	-	1.322.853.378	-	-	-	9.588.633.358
- Trái phiếu doanh nghiệp	-	12.614.679.453	-	-	-	-	-	12.614.679.453
- Cổ phiếu	220.492.795.701	24.574.776.419	-	-	1.042.837.948	15.083.095.818	21.291.384.968	282.484.890.854
Thu nhập khác	4.653.931.900	2.080.748.100	695.208.100	-	-	21.412.600	16.204.200	7.467.504.900
Tổng thu nhập/doanh thu (1)	1.295.894.317.973	452.961.400.480	147.490.379.300	65.888.711.560	31.801.693.526	138.907.473.053	107.619.895.189	2.240.563.871.081
Chi phí								
Phí bảo hiểm rủi ro	473.943.174.352	188.085.896.868	74.173.832.822	5.560.400	-	84.580.291.119	63.828.913.639	884.617.669.200
Phí quản lý hợp đồng	45.864.434.648	18.037.693.032	7.001.680.178	-	-	7.718.482.681	5.797.108.461	84.419.399.000
Phí chuyển đổi quỹ	2.650.000	(100.000)	(2.400.000)	-	-	-	-	150.000
Phí hủy hợp đồng	178.928.923.000	52.212.401.600	8.001.940.400	1.134.711.600	395.983.400	9.206.856.900	5.205.252.800	255.086.069.700
Phí hoạt động đầu tư	3.989.097.263	433.441.057	13.963.400	2.912.800	47.308.304	23.340.137	19.015.706	4.529.078.667
Tổng chi phí (2)	702.728.279.263	258.769.332.557	89.189.016.800	1.143.184.800	443.291.704	101.528.970.837	74.850.290.606	1.228.652.366.567
Chênh lệch giữa doanh thu và chi phí [(3) = (1) - (2)]	593.166.038.710	194.192.067.923	58.301.362.500	64.745.526.760	31.358.401.822	37.378.502.216	32.769.604.583	1.011.911.504.514
Thu nhập chưa phân chia chuyển từ năm trước sang	-	-	-	-	-	-	-	-
Thu nhập phân chia	593.166.038.710	194.192.067.923	58.301.362.500	64.745.526.760	31.358.401.822	37.378.502.216	32.769.604.583	1.011.911.504.514
- Cho Chủ hợp đồng	558.604.726.458	182.980.867.602	57.560.057.580	63.353.176.854	30.988.533.971	34.836.205.382	30.981.755.147	959.305.322.994
- Cho Chủ sở hữu (tối đa bằng với tỷ lệ phí quản lý quỹ)	34.561.312.252	11.211.200.321	741.304.920	1.392.349.906	369.867.851	2.542.296.834	1.787.849.436	52.606.181.520
- Cho Chủ sở hữu (tương ứng với thu nhập từ quỹ mỗi)	-	-	-	-	-	-	-	-
Thu nhập chưa phân chia chuyển sang năm sau	-	-	-	-	-	-	-	-

NGƯỜI LẬP BIỂU



Nguyễn Quốc Anh

CHUYÊN GIA TÍNH TOÁN



Nguyễn Khắc Định

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Huỳnh Vũ Đại Trọng

TỔNG GIÁM ĐỐC



Đặng Hồng Hải



GIỚI THIỆU VỀ CÔNG TY



Tòa nhà trụ sở Dai-ichi Life Holdings tại Tokyo, Nhật Bản

■ TẬP ĐOÀN DAI-ICHI LIFE

Dai-ichi Life được thành lập vào năm 1902, là công ty bảo hiểm nhân thọ (BHNT) tương hỗ đầu tiên của Nhật Bản (Dai-ichi Mutual Life Insurance Company, Limited). Dai-ichi Life rời khỏi cơ cấu công ty tương hỗ, cổ phần hóa và niêm yết trên thị trường chứng khoán Tokyo vào năm 2010, và chuyển sang cơ cấu công ty cổ phần vào năm 2016 (Dai-ichi Life Holdings Inc.). Dai-ichi Life Holdings Inc. là một trong những tập đoàn BHNT hàng đầu tại Nhật Bản với tổng giá trị tài sản 461 tỷ đô-la Mỹ, doanh thu phí bảo hiểm đạt hơn 50 tỷ đô-la Mỹ (tính đến ngày 31/03/2023).

Ngoài Việt Nam, tập đoàn Dai-ichi Life đã mở rộng hoạt động kinh doanh BHNT sang Ấn Độ, Thái Lan, Úc, Indonesia, Campuchia, Myanmar, Mỹ và New Zealand. Tập đoàn Dai-ichi Life đã mở Trụ sở Khu vực Châu Á Thái Bình Dương tại Singapore và Trụ sở Khu vực Bắc Mỹ tại New York.

■ CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM NHÂN THỌ DAI-ICHI VIỆT NAM

Là thành viên của Tập đoàn Dai-ichi Life, Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Dai-ichi Việt Nam (Dai-ichi Life Việt Nam) được thành lập vào tháng 1/2007, và đây là thị trường nước ngoài đầu tiên mà Tập đoàn Dai-ichi Life có công ty BHNT sở hữu 100% vốn.

Sau 17 năm hoạt động, Dai-ichi Life Việt Nam đã xây dựng nền tảng vững chắc và giữ vững vị thế là 1 trong 4 công ty BHNT hàng đầu tại Việt Nam. Dai-ichi Life Việt Nam tự hào giữ vị trí thứ 3 về mạng lưới phục vụ khách hàng với hệ thống 300 Văn phòng và Tổng đại lý trên 63 tỉnh thành cả nước, cùng đội ngũ hơn 2.000 nhân viên và 110.000 Tư vấn Tài chính chuyên nghiệp (tính đến ngày 31/12/2023).

Dai-ichi Life Việt Nam có vốn điều lệ gần 9.800 tỷ đồng, hiện là một trong những công ty BHNT có vốn đầu tư lớn nhất trên thị trường, minh chứng tiềm lực tài chính vững mạnh cũng như cam kết "Gắn bó dài lâu" với khách hàng Việt Nam.



TẬN HƯỞNG TIỆN ÍCH

Dai-ichi Connect

- Dễ dàng thao tác
- Giao dịch **mọi lúc mọi nơi**
- Tận hưởng điểm thưởng **nhANH chóng**

TÀI ỨNG DỤNG DAI-ICHI CONNECT TẠI ĐÂY:



Ngoài ra, khách hàng có thể truy cập Cổng thông tin Khách hàng tại <http://kh.dai-ichi-life.com.vn> để truy vấn hợp đồng và thực hiện giao dịch.

CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM NHÂN THỌ DAI-ICHI VIỆT NAM

Trụ sở chính: Tòa nhà Dai-ichi Life, 149-151 Nguyễn Văn Trỗi, Phường 11, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: (028) 3810 0888 | Fax: (028) 3997 3000 | www.dai-ichi-life.com.vn